|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Một bà mẹ đưa một trẻ trai 2 tháng tuổi tới cơ sở y tế, trẻ bị sốt cao từ 3 ngày nay, dùng thuốc hạ sốt không đỡ, hôm nay trẻ đi tả phân lỏng 2 lần/ngày, khóc từng cơn, nước tiểu đục. Trẻ không tăng cân so với lúc một tháng tuổi. Khám thực thể không có biến đổi bệnh lý đặc biệt. Bạn nghĩ đến một chẩn đoán có khả năng đúng nhất. |
|  | Viêm ruột cấp |
|  | Viêm tai giữa cấp |
| \* | Nhiễm khuẩn tiết niệu |
|  | Viêm cầu thận cấp. |
| End |  |
| 002 | Một bà mẹ đưa một trẻ trai 2 tháng tuổi tới cơ sở y tế, trẻ bị sốt cao từ 3 ngày nay, dùng thuốc hạ sốt không đỡ, hôm nay trẻ đi tả phân lỏng 2 lần/ngày, khóc từng cơn, nước tiểu đục. Trẻ không tăng cân so với lúc một tháng tuổi. Khám thực thể không có biến đổi bệnh lý đặc biệt. Được chẩn đoán sơ bộ là nhiễm khuẩn tiết niệu, cần cho xét nghiệm gì để xác định chẩn đoán: |
|  | Cấy máu. |
|  | Cấy phân. |
|  | Ngoáy họng tìm VK. |
| \* | Xét nghiệm nước tiểu thường quy (Protein, tế bào). |
| End |  |
| 003 | Một bà mẹ đưa một trẻ trai 2 tháng tuổi tới cơ sở y tế, trẻ bị sốt cao từ 3 ngày nay, dùng thuốc hạ sốt không đỡ, hôm nay trẻ đi tả phân lỏng 2 lần/ngày, khóc từng cơn, nước tiểu đục. Trẻ không tăng cân so với lúc một tháng tuổi. Khám thực thể không có biến đổi bệnh lý đặc biệt. Được chẩn đoán sơ bộ là nhiễm khuẩn tiết niệu, trong khi chờ đợi kết quả xét nghiệm, bạn hãy chọn một kháng sinh dưới đây để điều trị. |
|  | Penicillin. |
|  | Chloramphenicol. |
| \* | Bactrim. |
|  | Erythromycine. |
| End |  |
| 004 | Nhiễm khuẩn tiết niệu thường gặp nhất ở trẻ em lứa tuổi nào dưới đây: |
| \* | Dưới 1 tuổi. |
|  | 1 - 4 tuổi. |
|  | 5 - 10 tuổi. |
|  | 11 - 15 tuổi. |
| End |  |
| 005 | Vi khuẩn thường gặp nhất trong nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em là: |
|  | Proteus |
|  | Klebsiella |
| \* | E.coli |
|  | Tụ cầu vàng |
| End |  |
| 006 | Triệu chứng nào dưới đây gợi ý tới một nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ sơ sinh |
| \* | Chậm phát triển cân nặng |
|  | Ỉa chảy |
|  | Da vàng |
|  | Sự thay đổi thân nhiệt |
| End |  |
| 007 | Hãy chọn ra một triệu chứng lâm sàng trong số các triệu chứng dưới đây cho phép nghi ngờ một nhiễm khuẩn tiết niệu cao: |
|  | Đái đục |
| \* | Đau vùng thắt lưng |
|  | Đái dắt |
|  | Đái buốt |
| End |  |
| 008 | Triệu chứng nào dưới đây cho phép nghĩ tới một nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ lớn: |
|  | Sốt |
|  | Đau bụng hoặc đau thắt lưng |
| \* | Đái buốt |
|  | Đái dắt |
| End |  |
| 009 | Xét nghiệm nào dưới đây có giá trị nhất để chẩn đoán nhiễm khuẩn tiết niệu. |
|  | Nghiệm pháp cô đặc nước tiểu |
|  | Chụp bàng quang |
| \* | Cấy nước tiểu |
|  | Xét nghiệm cặn nước tiểu |
| End |  |
| 010 | Giá trị nào dưới đây cho phép khẳng định vi khuẩn niệu có giá trị chẩn đoán nhiễm khuẩn tiết niệu (nước tiểu giữa dòng): |
|  | >103 vi khuẩn /ml |
|  | >103 vi khuẩn /ml |
|  | >104 vi khuẩn /ml |
| \* | >105 vi khuẩn /ml |
| End |  |
| 011 | Giá trị nào dưới đây cho phép khẳng định vị khuẩn có giá trị chẩn đoán nhiễm khuẩn tiết niệu |
|  | ≥ 104/ml nước tiểu trong túi đựng |
|  | ≥ 104/ml nước tiểu giữa dòng |
| \* | ≥ 104/ml nước tiểu qua sonde BQ |
|  | ≥ 10 /ml nước tiểu qua chọc dò bàng quang. |
| End |  |
| 012 | Số lượng bạch cầu niệu có giá trị để chẩn đoán nhiễm khuẩn tiết niệu là: |
|  | ≥ 10 bạch cầu/vi trường với độ phóng đại 400 lần |
|  | ≥ 10.000/1 phút theo phương pháp Addis |
|  | ≥ 30/mm3 nước tiểu tươi không ly tâm |
| \* | Tất cả đều đúng |
| End |  |
| 013 | Nhóm nào thường được lựa chọn để điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em: |
|  | Macrolide |
|  | Tetraxilin |
| \* | Aminosides |
|  | Polypeptides |
| End |  |
| 014 | Hai kháng sinh thường được dùng để điều trị nhiễm khuẩn tiết niệu dưới là: |
|  | Amoxicilin và Cloroxit |
| \* | Amoxicilin và Co-Trimoxazol |
|  | Tetraxilin và Cloroxit |
|  | Erythromixin và Co-Trimoxazol |
| End |  |
| 015 | Hai đường xâm nhập chính của vi khuẩn gây nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em là |
| \* | Đường máu và đường tiểu |
|  | Đường máu và bạch huyết |
|  | Đường bạch huyết và đường tiểu |
|  | Đường tiêu hoá và đường tiểu |
| End |  |